ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30/10/2026 sửa đổi,

bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số /TTr-SCT ngày tháng năm 2026; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số …../TB-UBND ngày tháng năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TTXT,HT ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ.

b) Các nội dung về quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan công tác quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý

a) Bảo đảm sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Công Thương là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về cụm công nghiệp; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã thực hiện quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo quy định tại Quy chế này và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

b) Việc phối hợp quản lý cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có liên quan và không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo kịp thời và hiệu quả.

c) Cơ quan chủ trì chủ động giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp và tổng hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm thực hiện nội dung yêu cầu của cơ quan chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

d) Phát triển cụm công nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên các loại hình cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái theo quy định tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP; ưu tiên bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định.

đ) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân hoạt động trong cụm công nghiệp và người dân có đất bị thu hồi.

2. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác tham gia phối hợp giải quyết công việc, cụ thể:

a) Đối với cơ quan chủ trì: Tổ chức cuộc họp; hội nghị; tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa; thành lập tổ công tác, đoàn liên ngành để lấy ý kiến tham gia của cơ quan phối hợp và ghi nhận kết quả bằng biên bản hoặc thông báo kết luận.

Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải gửi hồ sơ, tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, góp ý.

Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, kết luận và các văn bản khác liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương và UBND cấp xã có cụm công nghiệp liên quan biết để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

b) Đối với cơ quan phối hợp: Cử đại diện lãnh đạo, chuyên môn tham dự cuộc họp do cơ quan chủ trì tổ chức, cán bộ được cử tham dự có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp; ý kiến của cán bộ tham dự là ý kiến của cơ quan phối hợp. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì khi nhận được đề nghị của cơ quan chủ trì. Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn đề nghị của cơ quan chủ trì.

Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn quy định tại Quy chế này hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì; trường hợp không có thời hạn cụ thể thì trả lời trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của văn bản pháp luật đó). Quá thời hạn mà không có ý kiến thì được coi là thống nhất với nội dung lấy ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

c) Các hình thức phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái được hiểu theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

2. Phương hướng phát triển cụm công nghiệp là nội dung được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh, xác định danh mục, vị trí, quy mô diện tích các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ngành là viết tắt của các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

4. UBND cấp xã là viết tắt của Ủy ban nhân dân xã, phường.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (sau đây gọi là chủ đầu tư hạ tầng) là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được Ủy ban nhân dân

tỉnh giao làm chủ đầu tư hoặc được lựa chọn, chấp thuận làm nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Nhà đầu tư thứ cấp là viết tắt của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

7. Dự án thứ cấp là dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

8. Nghị định số 32/2024/NĐ-CP là viết tắt của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

9. Nghị định số 303/2026/NĐ-CP là viết tắt của Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01/8/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

10. Hội đồng lựa chọn là viết tắt của Hội đồng đánh giá lựa chọn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương II
NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp, hỗ trợ phát triển các loại hình cụm công nghiệp chuyên ngành, hỗ trợ, công nghệ cao, sinh thái phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật;

b) Tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương; tổ chức phổ biến, tập huấn, hướng dẫn thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp;

c) Rà soát, đánh giá hiệu quả thực hiện cơ chế, chính sách; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị Bộ Công Thương và các bộ, ngành Trung ương tháo gỡ vướng mắc.

2. Sở Tài chính chủ trì tham mưu cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương (vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp) để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước; hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ; chủ trì tham mưu bố trí vốn và hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật kết nối đến hàng rào cụm công nghiệp (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước).

3. Các sở, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý có liên quan đến cụm công nghiệp; phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình xây dựng, thẩm định chính sách.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến và thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp trên địa bàn; đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương.

Điều 5. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương hướng phát triển cụm công nghiệp

1. Phương hướng phát triển cụm công nghiệp được xây dựng và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xây dựng phương hướng phát triển cụm công nghiệp để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh khi lập, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; xác định loại hình cụm công nghiệp (nếu có) phù hợp với lợi thế, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực của từng khu vực;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện phương hướng phát triển cụm công nghiệp gắn với kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá tình hình thực hiện;

c) Công bố, công khai danh mục, vị trí, quy mô các cụm công nghiệp trong phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính chủ trì tổ chức tích hợp phương hướng phát triển cụm công nghiệp vào Quy hoạch tỉnh; bảo đảm sự thống nhất với phương hướng phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng và các định hướng khác trong Quy hoạch tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì bảo đảm sự phù hợp giữa phương hướng phát triển cụm công nghiệp với định hướng phân bổ, khoanh vùng đất đai, chỉ tiêu sử dụng đất, chiến lược bảo vệ môi trường trong Quy hoạch tỉnh; tham mưu bố trí chỉ tiêu đất cụm công nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất.

5. Sở Xây dựng chủ trì bảo đảm sự phù hợp của vị trí, quy mô cụm công nghiệp với quy hoạch đô thị và nông thôn, kết nối hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu vực.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất xây dựng phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; tổ chức triển khai phương hướng phát triển cụm công nghiệp đã tích hợp trong Quy hoạch tỉnh trên phạm vi địa bàn quản lý; quản lý quỹ đất quy hoạch cụm công nghiệp, không để phát sinh công trình, dự án không phù hợp tại khu vực dự kiến bố trí cụm công nghiệp.

Điều 6. Điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp

1. Việc điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp (bổ sung mới, điều chỉnh vị trí, quy mô diện tích, đưa ra khỏi phương hướng) được thực hiện theo trình tự, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh hoặc theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và pháp luật về quy hoạch.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát các cụm công nghiệp hiện có và các khu vực có thể hình thành cụm công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh để đề xuất UBND tỉnh, Sở Công Thương điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

3. Sở Công Thương chủ trì tổng hợp, rà soát; gửi lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tích hợp vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

4. Theo kỳ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, Sở Công Thương chủ trì, rà soát các cụm công nghiệp trong phương hướng phát triển trong thời gian dài chưa được thành lập hoặc đã thành lập nhưng chậm triển khai, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, đưa ra khỏi phương hướng phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh theo quy định.

5. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại các điểm a, b Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) UBND cấp xã căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại các Khoản 3, 4 và 5 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan, chủ trì phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoàn thiện hồ sơ trình Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Sở Công Thương chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tham mưu các nội dung thẩm định, lựa chọn chủ đầu tư cho Hội đồng theo Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư của Hội đồng, Sở Công Thương tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ để trình UBND tỉnh thành lập cụm công nghiệp theo quy định.

d) Các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

đ) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đăng ký làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ dự án và văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, Hỗ trợ đầu tư tỉnh: Đầu mối hỗ trợ, hướng dẫn nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, khảo sát, xây dựng hồ sơ, báo cáo đầu tư thành lập cụm công nghiệp.

2. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Việc điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp chủ đầu tư hạ tầng không triển khai hoặc chậm triển khai dự án quá thời hạn quy định mà không được điều chỉnh tiến độ, vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường hoặc các trường hợp khác theo quy định, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành và UBND cấp xã kiểm tra, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh hoặc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời đề xuất phương án xử lý quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư hạ tầng, các dự án thứ cấp và quỹ đất liên quan.

c) UBND cấp xã căn cứ tình hình thực tiễn, chủ trì hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

đ) Các sở, ngành, UBND cấp xã, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến về điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 8. Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư hạ tầng (hoặc cơ quan, đơn vị được giao) tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, văn bản hướng dẫn và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn tỉnh; bảo đảm phù hợp với quyết định thành lập, mở rộng cụm công

nghiệp, quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường; bố trí diện tích đất cây xanh, khu xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn, đất dịch vụ và quỹ đất ưu tiên theo quy định.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư về hồ sơ trình tự lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thường xuyên đôn đốc, quản lý các Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện đúng nội dung quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; phối hợp công bố công khai, cắm mốc giới và quản lý quy hoạch chi tiết sau khi được phê duyệt. Thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã, sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng và Sở Công Thương theo quy định.

4. Sở Công Thương tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch chi tiết; sự phù hợp với phương hướng phát triển cụm công nghiệp, phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; ngành nghề và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của cụm công nghiệp.

5. Các cơ quan liên quan khi được lấy ý kiến góp ý về hồ sơ quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp phải có trách nhiệm tham gia ý kiến theo lĩnh vực quản lý.

Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư hạ tầng tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi), thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn; đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt, trong đó ưu tiên đầu tư trước hệ thống giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải tập trung.

2. Sở Xây dựng chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh; cấp giấy

phép xây dựng (đối với công trình phải có giấy phép) theo quy định; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

3. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng; phần tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư từ ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Điều chỉnh dự án, điều chỉnh tiến độ: chủ đầu tư hạ tầng có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư, xây dựng; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thẩm định đề nghị điều chỉnh tiến độ, các nội dung khác của dự án theo quy định.

5. Chấm dứt hoạt động dự án: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư; đồng thời Sở Công Thương đề xuất phương án lựa chọn chủ đầu tư thay thế hoặc giao đơn vị quản lý hạ tầng tạm thời để bảo đảm hoạt động bình thường của các dự án thứ cấp.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, giám sát quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng trên địa bàn; kịp thời phát hiện, báo cáo các vi phạm về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và pháp luật liên quan theo thẩm quyền.

Điều 10. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư hạ tầng có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường (nếu thuộc đối tượng), đề nghị cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và văn bản hướng dẫn; đầu tư, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải thực hiện), khu tập kết chất thải rắn và bố trí diện tích cây xanh theo quy định trước khi tiếp nhận dự án thứ cấp đi vào hoạt động.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc tự động; kiểm tra việc tuân

thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư hạ tầng và các dự án thứ cấp; hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng ban hành quy chế hoạt động của khu xử lý chất thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung (quy định điều kiện đấu nối, giới hạn tiếp nhận, giá dịch vụ, trách nhiệm khi xảy ra sự cố). Đánh giá chất lượng nước thải tại các cụm công nghiệp và cung cấp thông tin cho Sở Công Thương để theo dõi tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận đăng ký môi trường và kiểm tra, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền theo quy định; phối hợp giải quyết các phản ánh, kiến nghị về môi trường liên quan đến cụm công nghiệp.

4. Đối với cụm công nghiệp đang hoạt động chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đề xuất giải pháp, lộ trình và nguồn lực đầu tư; không tiếp nhận thêm dự án thứ cấp phát sinh nước thải công nghiệp vào cụm công nghiệp khi chưa đáp ứng các điều kiện về xử lý nước thải theo quy định.

5. Khuyến khích chủ đầu tư hạ tầng áp dụng mô hình cụm công nghiệp sinh thái, cộng sinh công nghiệp, tái sử dụng nước thải, chất thải, năng lượng; thu hút dự án thứ cấp sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, các văn bản hướng dẫn và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ban hành quyết định thu hồi đất theo thẩm quyền; tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định; phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng bàn giao mặt bằng theo tiến độ dự án.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho chủ đầu tư hạ tầng; hướng dẫn, kiểm tra việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thẩm quyền; gửi 01 bản sao quyết định cho thuê đất về Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, cập nhật Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp.

4. Xác định giá đất, tiền thuê đất

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: cơ quan thuế quản lý xác định, thông báo tiền thuê đất trên cơ sở phiếu chuyển thông tin địa chính và hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác định giá đất cụ thể, trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; cơ quan thuế thông báo, hướng dẫn chủ đầu tư nộp tiền thuê đất;

c) Sở Tài chính phối hợp tham gia Hội đồng thẩm định giá đất; hướng dẫn việc khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có).

5. Trước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc chủ đầu tư hạ tầng thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Chủ đầu tư hạ tầng bố trí đủ kinh phí, phối hợp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt.

6. Chủ đầu tư hạ tầng được cho thuê lại đất đã có hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản; việc cho thuê lại đất phải phù hợp với quy hoạch chi tiết, ngành nghề thu hút, loại hình cụm công nghiệp và bảo đảm quỹ đất tối thiểu 20ha hoặc 05% diện tích đất cụm công nghiệp ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày đủ điều kiện cho thuê lại mà không thu hút được đối tượng ưu tiên, chủ đầu tư hạ tầng có văn bản đề nghị gửi Sở Công Thương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép bố trí cho đối tượng khác theo quy định của Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

7. Hoạt động kinh doanh quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nhà xưởng, công trình xây dựng có sẵn để cho thuê, cho thuê lại trong cụm công nghiệp phải đáp ứng điều kiện của tổ chức kinh doanh bất động sản, điều kiện đối với đất, công trình đưa vào kinh doanh, công khai thông tin và sử dụng hợp đồng theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản và văn bản hướng dẫn. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về kinh doanh bất động sản trong cụm công nghiệp.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư hạ tầng (hoặc đơn vị quản lý cụm công nghiệp) là đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư thứ cấp về quy hoạch chi tiết, ngành nghề thu hút, diện tích đất còn trống, giá thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng, phí dịch vụ; ký kết hợp đồng thuê lại đất hoặc thỏa thuận nguyên tắc với nhà đầu tư thứ cấp; công khai thông tin trên Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp và trang thông tin của đơn vị.

2. Thủ tục đầu tư đối với dự án thứ cấp (chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh, chấm dứt dự án) thực hiện theo pháp luật về đầu tư. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục đầu tư; lấy ý kiến các sở, ngành liên quan về sự phù hợp với ngành nghề thu hút, loại hình cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, đất đai, môi trường.

3. Thủ tục xây dựng: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền thực hiện thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng hoặc tiếp nhận thông báo khởi công công trình của dự án thứ cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng; Công an tỉnh thực hiện thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Thủ tục đất đai: dự án thứ cấp thuê lại đất của chủ đầu tư hạ tầng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo thẩm quyền. Đối với cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư hạ tầng hoặc chưa có chủ đầu tư hạ tầng (bao gồm các cụm công nghiệp trước đây do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư), Nhà nước cho thuê đất trực tiếp đối với dự án thứ cấp; thẩm quyền cho thuê đất thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai và quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Thủ tục môi trường: chủ dự án thứ cấp thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định; đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp; thực hiện hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với chủ đầu tư hạ tầng.

6. Việc tiếp nhận dự án thứ cấp phải bảo đảm:

a) Phù hợp với quy hoạch chi tiết, ngành nghề thu hút, loại hình cụm công nghiệp và đáp ứng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

b) Không tiếp nhận mới hoặc cho phép nâng công suất dự án phát sinh nước thải công nghiệp khi cụm công nghiệp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng quy định, trừ trường hợp pháp luật về bảo vệ môi trường cho phép dự án tự xử lý đạt chuẩn;

c) Không tiếp nhận dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao không phù hợp với định hướng của tỉnh.

7. Các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm công khai quy trình, thời hạn; tiếp nhận, trả kết quả trực tuyến khi thủ tục đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; ưu tiên giải quyết rút ngắn thời gian đối với dự án thuộc ngành nghề ưu tiên, dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, dự án di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào cụm công nghiệp.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Chủ đầu tư hạ tầng tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật dùng chung và cung cấp các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp hoặc ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ; trường hợp cụm công nghiệp không có chủ đầu tư hạ tầng hoặc chủ đầu tư hạ tầng chấm dứt hoạt động, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện quản lý, vận hành theo quy định.

2. Đối với cụm công nghiệp trước đây do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp (hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tiếp nhận) có trách nhiệm ban hành quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích của cụm công nghiệp; xây dựng phương án giá dịch vụ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo pháp luật về giá; hướng dẫn nhà đầu tư thứ cấp tiếp cận, sử dụng dịch vụ.

3. Giá cho thuê lại đất có hạ tầng, phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật, giá dịch vụ xử lý nước thải và các dịch vụ khác do chủ đầu tư hạ tầng xây dựng, công khai và thỏa thuận với doanh nghiệp thứ cấp theo nguyên tắc thị trường, phù hợp quy định của pháp luật về giá. Đối với phần hạ tầng đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, Sở Tài chính chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, phê duyệt phương án giá thuộc thẩm quyền cấp xã; đối với dịch vụ không thuộc phạm

vi điều chỉnh của pháp luật về giá, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Các đơn vị cung cấp điện, nước, viễn thông, thu gom, vận chuyển chất thải có trách nhiệm đầu tư, cung cấp dịch vụ đến hàng rào cụm công nghiệp và các dự án thứ cấp bảo đảm chất lượng, ổn định, kịp thời theo quy định.

5. Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự trong cụm công nghiệp; chủ đầu tư hạ tầng, các doanh nghiệp thứ cấp xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

6. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động; nghiên cứu, đề xuất phát triển nhà ở, thiết chế công đoàn, các công trình phúc lợi cho người lao động tại khu vực cụm công nghiệp.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi việc thực hiện quy chế quản lý dịch vụ công cộng, tiện ích; không để phát sinh nhà ở, cư dân sinh sống trong cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn; theo dõi tình hình thực hiện dự án thứ cấp, tình hình lao động, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự; kịp thời xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

2. Chế độ báo cáo định kỳ

a) Nội dung, mẫu biểu, thời gian chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo định kỳ của chủ đầu tư hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Công Thương thực hiện theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ báo cáo trước đây của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hoạt động trong cụm công nghiệp cung cấp thông tin về tình hình thực hiện dự án, sản xuất kinh doanh, lao động, bảo vệ

môi trường cho chủ đầu tư hạ tầng (hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư hạ tầng) theo quy định.

c) Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan cung cấp thông tin về tình hình giải quyết thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy liên quan đến cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo theo quy định;

d) Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

3. Báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hình thức báo cáo: ưu tiên báo cáo bằng văn bản điện tử và cập nhật trực tiếp trên Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp.

5. Sở Công Thương chủ trì xây dựng, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp của Bộ Công Thương và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và pháp luật chuyên ngành; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, không gây khó khăn cho hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án, tình hình thu hút đầu tư, việc bố trí quỹ đất ưu tiên, việc thực hiện quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổng hợp kết quả, đề xuất xử lý; kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện phương hướng phát triển, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp; tổng hợp, đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong đầu tư, quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện kiểm tra chuyên ngành về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

4. Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm có nội

dung liên quan đến cụm công nghiệp phải được gửi Sở Công Thương để tổng hợp, phối hợp, tránh chồng chéo; không thanh tra, kiểm tra quá một lần trong năm đối với cùng một chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thứ cấp về cùng một nội dung, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

5. Cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm gửi kết luận, kết quả xử lý về Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp để theo dõi, cập nhật cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp.

Điều 16. Hoạt động xúc tiến đầu tư cụm công nghiệp

1. Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, Hỗ trợ đầu tư tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư hạ tầng đưa nội dung xúc tiến đầu tư vào các cụm công nghiệp vào Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm của tỉnh; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; tổ chức giới thiệu, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư vào cụm công nghiệp.

2. Sở Công Thương chủ trì xây dựng, cập nhật thông tin sở dữ liệu về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (vị trí, quy mô, loại hình, ngành nghề, hạ tầng, quỹ đất còn lại, ngành nghề thu hút, chính sách ưu đãi…) và công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; lồng ghép xúc tiến đầu tư cụm công nghiệp vào chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát thực địa, giải quyết vướng mắc về mặt bằng, an ninh trật tự; vận động cơ sở sản xuất, làng nghề trên địa bàn di dời vào cụm công nghiệp.

4. Chủ đầu tư hạ tầng chủ động xúc tiến đầu tư; ưu tiên thu hút dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, công nghệ số, năng lượng tái tạo, công nghiệp môi trường và tái chế chất thải, dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với ngành nghề thu hút của cụm công nghiệp.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định tại Quy chế này có trách nhiệm tổ chức thực hiện; phân công lãnh đạo, công chức đầu mối theo dõi lĩnh vực cụm công nghiệp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi để xảy ra chậm trễ, vi phạm trong lĩnh vực được giao.

3. Chủ đầu tư hạ tầng có trách nhiệm huy động nguồn lực, triển khai dự án theo quy hoạch chi tiết, tiến độ được phê duyệt; thành lập hoặc bố trí đơn vị quản lý, vận hành cụm công nghiệp; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 303/NĐ-CP ngày 01/8/2026 của Chính phủ; bảo đảm quỹ đất ưu tiên và công khai thông tin theo quy định.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân hoạt động trong cụm công nghiệp có trách nhiệm chấp hành Quy chế này, quy chế quản lý dịch vụ công cộng, tiện ích của cụm công nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, các thủ tục liên quan đến cụm công nghiệp đã được tiếp nhận trước ngày Quy chế này có hiệu lực được tiếp tục giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân có đề nghị áp dụng quy định tại Quy chế này và quy định của Nghị định số 303/2026/NĐ-CP; việc chuyển tiếp đối với cụm công nghiệp đã thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

3. Đối với các cụm công nghiệp trước đây do Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm chủ đầu tư hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư hạ tầng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.